TRƯỜNG THCS THỚI HÒA

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY HKI- NĂM HỌC : 2026-2027

Áp dụng từ 02/11/2026 đến …./…/2027

TT	Tổ CM / Họ và tên		Hệ ĐT/Môn	Phân công giảng dạy / Môn /Lớp	ổng số giờ thực dạ / Chỉ tiết	ổng s	Kiêm nhiệm / Giảm			Công tác		Ghi chú
	BGH											
1	Phạm Văn Miếng		ĐH Toán	HĐTN-HN (9A5)	3							
2	Trần Thị Đẹp		ĐH Anh	HĐTN-HN 6 (1,7)	6							
3	Trần Thị Ngọc Hà		CĐ Toán -Tin;ĐH Toán	HĐTN-HN (10,15)	6							
	Tổ Văn Phòng (11)											
4	**Lê Khắc Đại**		CNTT	HĐTN-HN 6 (2,3)	6					TTVP		
5	**Nguyễn Thị Mỹ Nghệ**		Y tế							TPVP		
6	Phạm Thị Thủy		Kế toán									
7	Phan Khánh Chi		Văn Thư									
8	Võ Thị Thanh Vân		TPT Đội	HĐTN-HN 9(12,13)	6							
9	Nguyễn Thị Bích Lan		PT Thư viện	HĐTN-HN 6 (8,9)	6							
10	Nguyễn Văn Hồng		Bảo Vệ									
11	Nguyễn Văn Thuận		Bảo Vệ									
12	Lê Thanh Vũ		Bảo Vệ									
13	Nguyễn Thị Ngọc Hương		NVPV									
14	Phan Thị Bích Lệ		NVPV									
	Tổ Ngữ Văn (17)											
15	**Nguyễn Thị Thanh Hằng**		CĐ văn-Đội;ĐH Văn	Văn 9 (1,2,3),Văn 6 (1), Ôn TS Văn 9 (1,2,3)	12+4+6	22	3			TTCM	**25**	
16	**Lương Thị Kim Loan**	CN9A6	ĐH Văn	Văn 9 (4,5,6),Văn 6 (2) Ôn TS Văn 9 (4,5,6)	12+4+6	22	1	4		TPCM	**27**	
17	Đinh Thị Xuyến	**CN6A5**	CĐ Văn,ĐH Văn	Văn 9 (7,8,9) , Văn 6 (5) Ôn TS Văn 9 (7,8,9)	12+4+6	22		4			**26**	
18	Trịnh Thị Hà Châu	**CN9A12**	ĐH Văn	Văn 9 (10,11,12);Văn 6 (6) Ôn TS Văn 9 (10,11,12)	12+4+6	22		4			**26**	
19	Lê Thị Bốn	**CN9A14**	ĐH Văn	Văn 9 (13,14),Văn 6 (3,4), Ôn TS Văn 9 (13,14)	8+8+4	20		4			**24**	
20	Phan Thị Hạnh	**CN9A15**	ĐH Văn	Văn 9 (15,16); Văn 6 (7,8), Ôn TS Văn 9 (15,16)	8+8+4	20		4			**24**	
21	Lê Thị An	**CN9A17**	ĐH Văn	Văn 9 (17,18) , Văn 6 (9,10), Ôn TS Văn 9 (17,18)	8+8+4	20		4			**24**	
22	Nguyễn Thị Lan Ngọc		ĐH Văn									*H.Sản từ 1/11*
23	Dương Thị Hoài	CN8A2	CĐ Văn-Sử	Văn 8 (1,2,3); Văn 7(13,14)	12+8	20		4			**24**	
24	Bùi Thị Nga	CN7A3	ĐH Văn	Văn 8 (4,5,6); Văn 7 (2,3)	12+8	20		4			**24**	
25	Phạm Thị Hằng	CN7A6	ĐH Văn	Văn 8 (11,12,13); Văn 7 (4,6)	12+8	20		4			**24**	
26	Nguyễn Thị Kim Mai		ĐH Văn									*H.Sản từ 7/9*
27	Nguyễn Thi Thùy Trang	CN8A7	ĐH Văn	Văn 8(7,8), Văn 6 (11,12,13)	8+12	20		4			**24**	
28	Nguyễn Thị Ngọc Bích	CN8A10	ĐH Văn	Văn 8(9,10), Văn 7 (7,8,9)	8+12	20		4			**24**	
29	Nguyễn Thị Xuân Trang	CN7A1	ĐHSP Ngữ văn	Văn 8 (14,15), Văn 7 (1,5),HĐTN-HN (7A1)	8+8+3	19		4			**23**	C.Nhỏ đến 7/10
30	Đặng Thanh Quân	CN8A17	ĐHSP Ngữ văn	Văn 8 (16,17); Văn 7 (10, 11,12)	8+12	20		4			**24**	
31	Nguyễn Ngọc Nga	CN8A18	ĐHSP Ngữ văn	Văn 8 (18,19),Văn 6 (14,15,16)	8+12	20		4			**24**	GV mới
	Tổ Sử- Địa- GDCD (11+1+3)											
32	**Phùng Văn Oai**	**CN9A1**	CĐ Sử-Địa, ĐH Địa	Sử -Địa 9 (1,3,5), Sử-Địa 6 (1,2,3)	9+9	18	3	4		TTCM	**25**	
33	**Phan Thị Thúy**	**CN6A4**	CĐ Sử-Địa,ĐH Sử	Sử -Địa 9 (7,8,9), Sử-Địa 6 (4,5,6)	9+9	18	1	4		TPCM	**23**	
34	Nguyễn Thị Út	**CN9A2**	ĐH Địa	Sử -Địa 9 (2,4,6), Sử-Địa 6 (7,8), GDĐP 9 (1,2,3,4)	9+6+4	19		4			**23**	
35	Lâm Ngọc Tiển	**CN9A10**		Sử -Địa 9 (10,11,12), Sử-Địa 6 (11,12), GDĐP 9 (5,6,7,8)	9+6+4	19		4			**23**	
36	Trương Thị Thu Hiền	**CN6A9**	CĐ Sử-GDCD,ĐH Sử	Sử -Địa 9 (13,14,15), Sử-Địa 6 (9,10), GDĐP 9 (9,10,11,12,13)	9+6+5	20		4			**24**	
37	Phạm Thị Minh Tuyến	**CN6A13**	ĐH Sử	Sử -Địa 9 (16,17,18), Sử-Địa 6 (13,14), GDĐP 9 (14,15,16,17,18)	9+6+5	20		4			**24**	
38	Nguyễn Thị Thủy Tiên	**CN6A15**	ĐH Địa lý	Sử- Địa 8(1,2,3,4,5), Sử-Địa 6 (15,16)	15+6	21		*4*			**25**	
39	Trần Quang Vinh	CN8A6	CĐ Địa-Họa,ĐH Địa	Sử -Địa 8 (6,7,8), Sử-Địa 7 (1,2,3,4)	9+12	21		**4**			**25**	
40	Phạm Thị Kim Anh	CN8A9	CĐ Địa	Sử- Địa 8(9,10,11,12), Sử-Địa 7 (5,6,7)	12+9	21		4			**25**	
41	Trần Thị Thanh Thủy	CN7A10	CĐ Sử-Địa,ĐH Sử	Sử- Địa 8 (13,14,15,16), Sử- Địa 7 (8,9,10)	12+9	21		4			**25**	

42	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	CN7A14	ĐHSP Sử	Sử- Địa 8 (17,18,19), Sử- Địa 7 (11,12,13,14)	9+12	21		4			**25**	
43	Hà Thị Xanh	**CN6A1**	ĐH GD Chính trị	GDCD 9(1→ 18), GDCD 6(1→2)	18+2	20		4			**24**	
44	Vương Quốc Thương		ĐH GD Chính trị	GDCD 8(1→ 19),GDCD 6 (3→7)	19+5	24					**24**	
45	Ngô Văn Em		CĐ Văn-KTPV,ĐH GDCD	GDCD 6 (8→16), GDCD 7(1→14)	9+14	23					**23**	
Tổ tiếng Anh - Nghệ thuật (10+4+5)											**0**	
46	**Nguyễn Thị Tường Vi**		ĐH Anh	Anh (1,2,3,4) , Anh 6 (1,2,3)	12+9	21	3			**TTCM**	**24**	
47	Nguyễn Thái Thanh Nhi	**CN9A7**	ĐH Anh	Anh 9 (7,8,10,11), Anh 6 (4,5), HĐTN-HN (9A7)	12+6+3	21		4			**25**	
48	Nguyễn Thị Hồng An		ĐHSP tiếng Anh	Anh (5,6,15), Anh 6 (6,7,12), HĐTN-HN (9A6)	9+9+3	21	3				**24**	C.Nhỏ đến
49	Nguyễn Thị Thanh	**CN9A9**	ĐH Anh	Anh 9 (9,12,13,14), Anh 6 (8,9), HĐTN-HN (9A9)	12+6+3	21		4			**25**	
50	Lê Thị Ninh	**CN6A10**	ĐH Ngôn ngữ Anh	Anh 9(16,17,18), Anh 6 (10,11), HĐTN-HN (6A4,10)	9+6+6	21		4			**25**	
51	Phạm Thị Thu	CN8A1	ĐH SP tiếng Anh	Anh 8(1,2,3), Anh 7 (1,2), HĐTN-HN (8A1,2)	9+6+6	21		4			**25**	
52	Nguyễn Ánh Hồng	CN7A4	ĐH Ngôn ngữ Anh	Anh 8(4,5,6, Anh 7(3,4), HĐTN-HN (7A4)	9+6+3	18	3	4			**25**	C.Nhỏ đến 7/1
53	Phan Thị Kim Định	CN8A8	ĐHSP tiếng Anh	Anh 8(7,8,9), Anh 7 (5,6), HĐTN-HN (8A6,8)	9+6+6	21		4			**25**	
54	Hồ Kim Khánh	CN7A8	ĐH Ngôn ngữ Anh	Anh 8(10,11,12) Anh 7 (7,8), HĐTN-HN (7A8)	9+6+3	18		4			**22**	
55	Trần Thị Thương	CN7A9	ĐH Anh	Anh 8(13,14,15) Anh 7 (9,10), HĐTN-HN (7A9,14)	9+6+6	21		4			**25**	
56	Đặng Thị Bạch Mai		ĐHSP tiếng Anh	Anh 6 (13,14,15,16), GDĐP 7 (12→14), HĐTN-HN (6A5,6)	12+3+6	21					**21**	
57	Huỳnh Ngọc Cẩm Giang		ĐHSP tiếng Anh	Anh 8(16,17), Anh 7 (11), GDĐP 6 (14→16), HĐTN-HN (8A9,13,15,16)	6+3+3+12	24					**24**	
58	Nguyễn Thị Thanh Ngân		CĐSP tiếng Anh	Anh 8 (18,19), Anh 7 (12), HĐTN-HN 7(A2,3,6,7,10)	6+3+15	24					**24**	
59	Nguyễn Văn Hạnh		ĐHSP tiếng Anh	Anh 7(13,14), HĐTN-HN (9A1,8,11,14,17)	6+15	21					**21**	
60	**Vương Duy Tân**		CĐ Văn-Họa,ĐHMT	MT 8(1→19), MT 6(1→4)	19+4	23	1			**TPCM**	**24**	
61	Trương Mai Thu Hương		ĐH Mỹ thuật	MT 7(1→14), MT 6(5→14)	14+10	24					**24**	
62	Trịnh Thị Ngọc Thơm		ĐH Mỹ thuật	MT 9 (1→18), MT 6(15→16)	18+2	20	3				**23**	C.Nhỏ đến 22/12
63	Từ Thị Kiều		CĐSP Nhạc	AN8 (1→19), AN 6(1→4)	19+4	23					**23**	
64	Lê Thị Hà		CĐ Văn-Nhạc, ĐH Văn	AN 9(1→18), AN7(1→4)	18+4	22					**22**	
65	Huỳnh Thị Mỹ Dung		CĐ Sử -Nhạc,ĐH Sử	AN 6 (5→16), AN7(5→14)	10+10	20					**20**	
	Tổ Toán (17)											
66	**Nguyễn Thị Thanh Thủy**		CĐ Toán -Tin;ĐH Toán	Toán 9(1,2,3), Toán 6 (1), Ôn TS Toán 9 (1,2,3)	12+4+6	22	3			**TTCM**	**25**	
67	**Nguyễn Thị Kim Phượng**	CN9A4	ĐH Toán	Toán 9(4,5), Toán 6 (2,3) Ôn TS Toán 9 (4,5)	8+8+4	20	1	4		**TPCM**	**25**	
68	Phạm Thị Ngọc Thanh	CN9A8	ĐHSP Toán	Toán 9 (6,7,8), Toán 6 (4), Ôn TS Toán 9 (6,7,8)	12+4+6	22		4			**26**	
69	Nguyễn Thị Liên	CN9A11	ĐH Toán	Toán 9 (9,10,11), Toán 6 (5),Ôn TS Toán 9 (9,10,11)	12+4+6	22		4			**26**	
70	Nguyễn Văn Hữu	**CN6A6**	Thạc Sỹ Toán	Toán 9 (12,13,14), Toán 6 (6), Ôn TS Toán 9 (12,13,14)	12+4+6	22		4			**26**	
71	Lý Thị Thu Hằng	CN9A16	CĐ Toán-Lí, ĐH Toán	Toán 9 (15,16), Toán 6 (7,8), Ôn TS Toán 9 (15,16)	8+8+4	20		4			**24**	
72	Huỳnh Thị Thu Hương	CN9A18	CĐ Toán	Toán 9 (17,18), Toán 6 (9,10),Ôn TS Toán 9 (17,18)	8+8+4	20		4			**24**	
73	Lê Thị Thanh	**CN6A11**	*ĐH Toán*	Toán 8(7,8), Toán 6 (11,12), HĐTN-HN (6A11)	8+8+3	19		4			**23**	
74	Trương Xuân Thuần	CN8A3	ĐHSP Toán	Toán 8(1,3), Toán 6 (13,14), HĐTN-HN (8A3)	8+8+3	19		4			**23**	
75	Lê Chí Linh	CN8A4	ĐH Toán	Toán 8(2,4), Toán 7 (1,2), HĐTN-HN (8A4)	8+8+3	19		4			**23**	
76	Trần Thị Thanh Phương	CN8A5	CĐ Toán -Tin;ĐH Toán	Toán 8(5,6), Toán 7 (3,4), HĐTN-HN (8A5)	8+8+3	19		4			**23**	
77	Nguyễn Thị Nhung	CN8A11	ĐH Toán	Toán 8(9,11), Toán 7 (5,6), HĐTN-HN (8A11)	8+8+3	19		4			**23**	
78	Nguyễn Thị Ngọc Nguyên	CN8A12	ĐHSP Toán	Toán 8(12,10), Toán 7 (7,8), HĐTN-HN (8A12)	8+8+3	19		**4**			**23**	
79	Lê Anh Cường	CN8A14	ĐHSP Toán	Toán 8(14,13), Toán 7 (9,10), HĐTN-HN (8A14)	8+8+3	19		4			**23**	
80	Vũ Thị Thảo	CN7A12	ĐHSP Toán	Toán 8(15,16,17), Toán 7 (12), HĐTN-HN (7A12)	12+4+3	19		4			**23**	
81	Trần Thị Trang	CN8A19	ĐHSP Toán	Toán 8 (18,19), Toán 7 (11,13), HĐTN-HN (8A19)	8+8+3	19		4			23	
82	Trần Thị Ái Nữ	**CN6A16**	CĐ Toán-Tin,ĐH Toán	Toán 7(14), Toán 6(15,16), HĐTN-HN (6A12,13,16)	4+8+9	21		4			**25**	
	Tổ KHTN- CN (15+1+4)											
83	**Trần Vũ Trọng Hải**	CN9A3	CĐ Lý, ĐH Lý	KHTN 9 (1,2,3), KHTN 6(1)	12+4	16	3	4		**TTCM**	**23**	
84	Nguyễn Thị Thúy Nga	CN9A5	ĐH Hóa	KHTN 9 (4,5,6), KHTN 6(4,5)	12+8	20		4			**24**	
85	Đặng Thị Yến	**CN6A2**	ĐH Lý	KHTN 9 (7,8,9), KHTN 6(2,3)	12+8	20		4			**24**	
86	Nguyễn Hải Tâm	**CN6A7**	ĐHSP Hóa học	KHTN 9 (10,11,12), KHTN 6 (6,7)	12+8	20		4			**24**	
87	Phan Thị Hạnh Tiên	CN9A13	ĐH Sinh	KHTN 9 (13,14,15), KHTN 6 (10,11)	12+8	20		4			**24**	
88	Lư Thị Thu Thảo	**CN6A8**	CĐ Sinh	KHTN 9 (16,17,18), KHTN 6 (8,9)	12+8	20		4			**24**	
89	Nguyễn Ngọc Như Thuỷ	**CN6A12**	ĐH Vật Lý học	KHTN 8 (1,2), KHTN 6(12,13)	8+8	16	2	4		**TKHĐ**	**22**	
90	Ung Thị Ngọc Nga	CN7A2	ĐH Lý	KHTN 8(3,4,5), KHTN 7(1,2)	12+8	20		4			**24**	

91	Trần Thị Mỹ Yến	CN8A16	CĐ Sinh	KHTN 8 (16,17), KHTN 7 (3,4)	8+8	16	3	4		PT Phòng TB	**23**	
92	Phạm Thị Nhi	CN7A5	CĐ Sinh	KHTN 8 (8,9), KHTN 7 (5,6), HĐTN-HN (7A5)	8+8+3	19		4			**23**	
93	Trần Hiếu Hiệp	CN7A7	ĐH Công nghệ Sinh học	KHTN 8 (10,11), KHTN 7(7,8), CN 7 (1→3)	8+8+3	19		4			**23**	
94	Nguyễn Văn Tâm		CĐ Hóa-TT,ĐH Hóa	KHTN 6 (14,15,16), KHTN 7 (9,10), HĐTN-HN (6A15)	12+8+3	23					**23**	
95	Đặng Thùy Trinh	CN7A11	ĐH Hóa	KHTN 8 (18,19), KHTN 7 (11,12), HĐTN-HN (7A11)	8+8+3	19		4			**23**	
96	Huỳnh Xuân Đào	CN7A13	ĐH Vật lý	KHTN 8 (6,7), KHTN 7 (13,14), HĐTN-HN (7A13)	8+8+3	19		4			**23**	
97	Nguyễn Thị Ngọc Quyền	CN8A15	CĐSP Hóa học	KHTN 8 (14,15), GDĐP 8 (9→19)	8+11	19		4			**23**	
98	Lê Thị Anh	CN8A13	Hóa	KHTN 8 (12,13), CN 7 (4→14)	8+11	19		4			**23**	GV mới
99	**Đỗ Bá Trường**		CĐ Toán Lý-ĐH Toán	CN 9 (1→9), CN 8(1→5)	18+5	23	1			**TPCM**	**24**	
100	Thái Thị Thu Trang		CĐ Lý-CN, ĐH Lý	CN 9 (10→18), CN 8(6→11)	18+6	24					**24**	
101	Nguyễn Thị Ngọc		ĐH Lý	CN 8(12→19), GDĐP 6 (1→13)	8+13	*21*					**21**	
102	Thái Thị Bích Hiền		CĐ Sinh-KT, ĐH Sinh	CN 6 (1→16), GDĐP 8 (1→8)	16+8	24					**24**	
	Tổ Tin-GDTC (4+7)											
103	**Nguyễn Bão Lộc**		ĐH Tin	Tin 9 (1→9), Tin 7 (1→7), GDĐP 7 (1→4)	9+7+4	20	3			**TTCM**	**23**	
104	Nguyễn Thùy Linh		CĐ Tin, ĐH Tin	Tin 9 (10→18), Tin 7 (8→14), GDĐP 7 (5→11)	9+7+7	23					**23**	
105	Lê Thị Huyền Trang	**CN6A3**	ĐH SP Tin học	Tin 8 (1→9),Tin 6 (1→10)	9+10	19		4			**23**	
106	Luân Thị Minh An	**CN6A14**	ĐH SP Tin học	Tin 8 (10→19), Tin 6 (11→16), HĐTN-HN (6A14)	10+6+3	19		4			**23**	
107	**Nguyễn Thị Nhàn**		ĐH GD Thể chất	TD 9(1→9), TD 7(1→2)	18+4	22	1			**TPCM**	**23**	
108	Ngô Ngọc Lý		ĐH GD Thể chất	TD 9(10→18), TD 7(3→5)	18+6	24					**24**	
109	Nguyễn Trường Duy		ĐH GD Thể chất	TD 6 (1→3), TD 7 (6→14)	6+18	24					**24**	
110	Vũ Văn Tiến		ĐH GD Thể chất	TD 8(1→5), TD 6 (4→7), HĐTN-HN (9A2,3)	10+8+6	24					**24**	
111	Lê Thị Phương Trinh		ĐH GD Thể chất	TD 8(6→10), TD 6 (8→12), HĐTN-HN (9A4)	10+10+3	23					**23**	
112	Trần Minh Phước		ĐH GD Thể chất	TD 8(11→14), TD 6 (13→16), HĐTN-HN (9A16,18)	8+8+6	22					**22**	
113	Nguyễn Văn Thái		ĐH GD Thể chất	TD 8(15→19), HĐTN-HN (8A7,10,17,18)	10+12	22					**22**	

Thới Hòa, ngày 14 tháng 10 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG THỚI HÒA T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THỚI HÒA

Phạm Văn Miếng

GV HĐ

1	Đặng Thị Bạch Mai	
2	Huỳnh Ngọc Cẩm Giang	
3	Nguyễn Thị Thanh Ngân	
4	Nguyễn Văn Hạnh	
5	Huỳnh Thị Mỹ Dung	
6	Nguyễn Thị Ngọc Quyền	